

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Vinh, huyện Hà Trung (nay là phường Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa) (diện tích mỏ 21,6 ha)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày*

28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: Số 2549/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Vinh, huyện Hà Trung (diện tích mỏ 21,6 ha); số 91/2025/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 160/2025/QĐ-CTUBND ngày 30/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Vinh, huyện Hà Trung (nay là phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa) (diện tích mỏ 21,6 ha) của Công ty TNHH Công nghiệp Long Sơn tại Công văn số 0709/CV-LS ngày 09/7/2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1117/TTr-SNNMT ngày 14/7/2026 về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Vinh, huyện Hà Trung (nay là phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa) (diện tích mỏ 21,6 ha).

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Vinh, huyện Hà Trung (nay là phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa) (diện tích mỏ 21,6 ha) (sau đây gọi là “Dự án”) của Công ty TNHH Công nghiệp Long Sơn thực hiện tại phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:**

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Vinh, huyện Hà Trung (nay là phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa) (diện tích mỏ 21,6 ha).

- Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn chủ đầu tư, UBND phường Bim Sơn thực hiện các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án nêu trên và các

quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường; xử lý hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

## 2. UBND phường Bím Sơn:

- Đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án nêu trên theo quy định hiện hành của pháp luật; việc xây dựng, hoàn thành, vận hành các công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng và quá trình hoạt động của dự án.

- Kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: Số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và các quy định pháp luật có liên quan; báo cáo, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với các hành vi vi phạm vượt thẩm quyền.

3. Công ty TNHH Công nghiệp Long Sơn: Có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Điều 8 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND phường Bím Sơn, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Công nghiệp Long Sơn, Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT<sub>(NXH.128.MT)</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Cao Văn Cường**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Dự án Khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông**  
**thường tại xã Hà Vinh, huyện Hà Trung (nay là phường Bim Sơn, tỉnh**  
**Thanh Hóa) (diện tích mỏ 21,6 ha)**

(Kèm theo Quyết định số                      /QĐ-UBND ngày                      tháng                      năm 2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

**1. Thông tin chung dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Vinh, huyện Hà Trung (nay là phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa) (diện tích mỏ 21,6 ha).

- Địa điểm thực hiện: Phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ dự án: Công ty TNHH Công nghiệp Long Sơn.

+ Người đại diện: Trịnh Quang Hải.

+ Chức vụ: Giám đốc.

+ Địa chỉ: Tổ dân phố Trường Sơn, phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**1.2. Quy mô, công suất**

**1.2.1. Quy mô diện tích**

- Diện tích đất thực hiện dự án 21,6 ha.

- Vị trí thực hiện Dự án được giới hạn bởi các điểm như sau (theo hệ trục tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°):

| STT | Điểm góc | Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°) |           |
|-----|----------|--------------------------------------------------------|-----------|
|     |          | X (m)                                                  | Y (m)     |
| 1   | 1        | 2221254.00                                             | 597680.01 |
| 2   | 2        | 2220926.99                                             | 597560.56 |
| 3   | 3        | 2220836.00                                             | 597764.00 |
| 4   | 4        | 2220758.05                                             | 598038.99 |
| 5   | 5        | 2220973.04                                             | 598295.05 |
| 6   | 6        | 2221254.60                                             | 597912.86 |
| 7   | 7        | 2221152.41                                             | 597843.36 |

**1.2.2. Công suất**

- Công suất của dự án:

+ Công suất khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường: 700.000 m<sup>3</sup>/năm (dạng nguyên khối).

+ Công suất khai thác đá vôi lớn nhất để sản xuất xi măng: 1.500.000 tấn/năm.

+ Công suất khai thác đá sét làm nguyên liệu sản xuất xi măng: 229.724 m<sup>3</sup>/năm và sẽ khai thác vào năm cuối của công tác khai thác đá vôi.

- Tuổi thọ mỏ: 10 năm, trong đó thời gian xây dựng cơ bản là 05 tháng.

- Công suất khai thác thực tế và thời gian khai thác thực tế thực hiện theo Giấy phép khai thác khoáng sản do cấp có thẩm quyền cấp.

### **1.3. Công nghệ khai thác**

- Phương pháp khai thác lộ thiên, hệ thống khai thác khâu theo lớp xiên cắt tầng; xúc bốc, vận chuyển đi tiêu thụ.

- Tóm tắt quy trình khai thác như sau: Làm đường ô tô lên núi → Xây dựng bãi xúc, bạt ngọn → Khoan nổ mìn phá đá → Xúc bốc → sản phẩm (đá sản xuất xi măng; đá làm vật liệu xây dựng thông thường) → Vận chuyển đi tiêu thụ.

### **1.4. Phạm vi**

#### **1.4.1. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án**

- Các hạng mục công trình chính của dự án: Tuyến đường di chuyển thiết bị số 1 có chiều dài 86,28 m; tuyến đường di chuyển thiết bị số 2 có chiều dài 589,43 m; bãi xúc mức +80m (diện tích 3.331,72 m<sup>2</sup>); bãi xúc mức +25m (diện tích 5.875,3 m<sup>2</sup>).

- Các công trình bảo vệ môi trường: Hồ lắng 1 (thung hiện trạng, diện tích 23.510 m<sup>2</sup>); hồ lắng 2 (diện tích 1.708 m<sup>2</sup>); rãnh gom nước mưa (chiều dài 20 m, kích thước 1,0 m x 1,0 m); rãnh thoát nước (chiều dài 40 m, kích thước 1,0 m x 1,0 m).

- Hoạt động của dự án gồm: Giai đoạn thi công, xây dựng; giai đoạn khai thác; giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **1.4.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường**

- Hoạt động khai thác nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án.

- Hoạt động chế biến đá, sét sau khai thác.

### **1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, được sửa đổi bởi khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025 và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

### **2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

- Quá trình thi công, xây dựng làm phát sinh khối lượng thực vật phát quang, nước mưa chảy tràn, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung và phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Các rủi ro, sự cố do sạt lở trong quá trình thi công, xây dựng.

### **2.2. Giai đoạn khai thác**

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên tại khu vực mỏ làm phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, tiếng ồn và các rủi ro sự cố về cháy nổ, tệ nạn xã hội, mâu thuẫn, ...

- Hoạt động (khoan, nổ mìn, bóc xúc), vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ làm phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung và các rủi ro về an toàn giao thông, tai nạn lao động, ...

- Các rủi ro, sự cố liên quan tới hoạt động khai thác, vận hành các hạng mục, công trình xử lý môi trường.

**2.3. Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường:** Các hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường làm phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động tập kết, trút đổ vật liệu; bụi khí thải từ hoạt động san gạt, hoạt động vận chuyển; chất thải rắn, nước thải sinh hoạt của công nhân.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

### **3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

#### **3.1.1. Nước thải, khí thải**

a) Nguồn phát sinh, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân khoảng 0,4 m<sup>3</sup>/ngày; thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD<sub>5</sub>, TSS, Amoni, tổng Coliform.

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 2 m<sup>3</sup>/ngày; thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, dầu mỡ khoáng, chất rắn lơ lửng.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh lớn nhất khoảng 51.840 m<sup>3</sup>/ngày; thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

b) Nguồn phát sinh, tính chất bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động đào đắp, khoan phá đá, nổ mìn; xúc bốc, vận chuyển trong quá trình thi công; bụi cuốn theo lốp xe trong quá trình vận chuyển; hoạt động của máy móc thiết bị có động cơ đốt trong sử dụng dầu DO làm nhiên liệu.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải, nguyên vật liệu, thiết bị sử dụng nhiên liệu xăng và dầu diesel; thành phần chủ yếu là bụi (TSP), SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, ...

### 3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh lớn nhất khoảng 4 kg/ngày trong thời gian thi công xây dựng mỏ; thành phần chủ yếu là: Thức ăn thừa, vỏ chai nhựa, túi ni lông.

b) Nguồn phát sinh, tính chất chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Hoạt động phát quang, dọn dẹp thực bì phát sinh chất thải với tổng khối lượng khoảng 4,32 tấn.

- Đất đá từ quá trình thi công, bạt ngọn tầng công tác ban đầu, đào rãnh thoát nước, hồ lắng, bãi xúc, tuyến đường mở vỉa vận tải, tuyến đường di chuyển thiết bị, ... khoảng 303.485,09 m<sup>3</sup>.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình dự án phát sinh chất thải rắn xây dựng khoảng 32,7 tấn.

c) Nguồn phát sinh, tính chất chất thải rắn nguy hại

- Chất thải nguy hại dạng lỏng phát sinh khoảng 161 lít/quá trình thi công.

- Chất thải nguy hại dạng rắn phát sinh khoảng 4 kg/quá trình thi công, chủ yếu từ hoạt động sửa chữa nhỏ đối với các máy móc, thiết bị; thành phần gồm: Giẻ lau nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy thải, pin, ...

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung: Phát sinh từ hoạt động của máy móc thi công, hoạt động khoan, nổ mìn, phương tiện vận chuyển.

### 3.1.4. Các tác động khác

- Hoạt động vận chuyển vật liệu, đá thải, phế thải có khả năng gây hư hại đường giao thông, tai nạn lao động, ...

- Các rủi ro, sự cố: Sạt lở, tai nạn lao động, sự cố mưa, bão, thiên tai, ...

## 3.2. Giai đoạn khai thác

### 3.2.1. Nước thải, khí thải

a) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,1 m<sup>3</sup>/ngày; thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD<sub>5</sub>, TSS, Amoni, tổng Coliform.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh lớn nhất khoảng 50.400 m<sup>3</sup>/ngày; thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

b) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động khai thác và vận chuyển: Khoan nổ mìn, nổ mìn, phá đá quá cỡ, từ các máy móc, thiết bị khai thác và phương tiện vận chuyển sử dụng dầu DO làm nhiên liệu. Bụi phát sinh từ các hoạt động: Bốc xúc sản phẩm, bụi cuốn theo lốp xe trong quá trình vận chuyển, bụi do đất đá văng trong các quá trình vận chuyển sản phẩm.

- Thành phần ô nhiễm: Bụi (chủ yếu là bụi thô TSP), SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, ...

### 3.2.2. *Chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại*

a) Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh lớn nhất khoảng 11 kg/ngày; thành phần chủ yếu là: Thức ăn thừa, vỏ chai nhựa, túi ni lông.

b) Nguồn phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường: Bùn thải từ tuyển mương thu gom, thoát nước, hồ lắng là 0,75 tấn/năm.

c) Nguồn phát sinh chất thải rắn nguy hại

- Chất thải nguy hại dạng lỏng phát sinh trong giai đoạn khai thác mỏ khoảng 765,6 lít/năm.

- Chất thải nguy hại dạng rắn phát sinh khoảng 2 kg/tháng, chủ yếu từ hoạt động sửa chữa nhỏ đối với các máy móc, thiết bị; thành phần chủ yếu là: Giẻ lau nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy thải, pin, ...

3.2.3. *Tiếng ồn, độ rung*: Phát sinh từ hoạt động khoan, nổ mìn phá đá, hoạt động của máy móc, thiết bị bốc xúc, trút đổ, vận chuyển.

### 3.2.4. *Các tác động khác*

- Tác động đến chất lượng mặt đường, hạ tầng giao thông của các tuyến đường vận chuyển; tiềm ẩn rủi ro tai nạn giao thông, tác động gián tiếp đến sinh hoạt của người dân sinh sống dọc theo các tuyến đường giao thông.

- Tác động cộng hưởng từ hoạt động khai thác, vận chuyển giữa các mỏ lân cận; tác động do sạt lở bờ moong khai thác.

- Các rủi ro, sự cố: Sạt lở, tai nạn lao động, sự cố mưa, bão, thiên tai, ...

## 3.3. *Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường*

### 3.3.1. *Nước thải, khí thải*

a) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải: Phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân, với tổng lưu lượng khoảng 0,2 m<sup>3</sup>/ngày; thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD<sub>5</sub>, TSS, Amoni, tổng Coliform.

b) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động tập kết, trút đổ, san gạt vật liệu; trồng cỏ gừng; hoạt động của máy móc thi công và phương tiện vận chuyển.

- Quy mô, tính chất đặc trưng của khí thải phát sinh trong giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường có chứa các thành phần ô nhiễm: Bụi (chủ yếu là bụi thô TSP), SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, ...

### 3.3.2. *Chất thải rắn, chất thải nguy hại*

a) Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh lớn nhất khoảng 2 kg/ngày; thành phần chủ yếu là: Thức ăn thừa, vỏ chai nhựa, túi ni lông.

b) Nguồn phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường: Dự án không diễn ra các hoạt động tháo dỡ các hạng mục công trình, do đó không phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường.

c) Nguồn phát sinh chất thải rắn nguy hại: Do thời gian thực hiện ngắn (*dự kiến khoảng 03 tháng*), việc bảo dưỡng máy móc, thiết bị phần lớn được thực hiện tại các xưởng sửa chữa trên địa bàn nên khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường là không đáng kể.

**3.3.3. Tiếng ồn, độ rung:** Phát sinh từ phương tiện vận chuyển, máy móc thi công san gạt đất màu phục vụ cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **3.3.4. Các tác động khác**

- Tác động tới giao thông khu vực.
- Tác động do rủi ro, sự cố.

### **4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư**

#### **4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

##### **4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải**

##### **a) Đối với thu gom và xử lý nước thải**

- Đối với nước thải sinh hoạt: Lắp đặt và sử dụng 01 nhà vệ sinh di động 02 buồng (tổng thể tích ngăn chứa chất thải khoảng 3 m<sup>3</sup>/nhà) thu gom toàn bộ nước thải phát sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý với tần suất tối thiểu 03 ngày/lần (có thể tăng lên 01 ngày/lần khi dự án thi công cao điểm, tập trung nhiều cán bộ, công nhân trên công trường), không xả ra môi trường.

- Nước thải rửa xe: Dự án sử dụng chung khu vực rửa xe với Công ty TNHH Long Sơn tại phía Tây Nam dự án.

- Nước mưa chảy tràn: Thu vào các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng, thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng. Rãnh có chiều dài 20 m, kích thước 1,0 m x 1,0 m. Lượng nước này được thu gom về hồ lắng 2 có diện tích khoảng 1.708 m<sup>2</sup>, một phần tuần hoàn cho hoạt động phun dập bụi, một phần thoát ra môi trường.

##### **b) Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải**

- Thường xuyên phun nước làm ẩm, giảm bụi các tuyến đường vận tải và các khu vực thi công với tần suất từ 02 lần/ngày đến 04 lần/ngày, tăng tần suất vào mùa khô và khi phát sinh bụi.

- Đảm bảo tất cả các thiết bị thi công cơ giới đưa vào sử dụng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và môi trường. Trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, các xe phải chở đúng tải trọng quy định trên các tuyến đường và đúng tải trọng của xe; các xe vận chuyển phải được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ để đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; các phương tiện vận chuyển phải được phủ bạt, không làm rơi vãi vật liệu trên đường gây mất an toàn giao thông.

- Bố trí công nhân thường xuyên quét dọn, vệ sinh dọc tuyến đường vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu phục vụ thi công, xây dựng.

#### 4.1.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được phân loại, thu gom vào 02 thùng rác loại 20 - 60 lít/thùng đặt tại khu vực công trường thi công; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý thực hiện định kỳ với tần suất 01 ngày/lần.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- + Thực vật phát quang khoảng 4,32 tấn; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- + Đất đá đào khoảng 303.485,09 m<sup>3</sup> được phân loại để sử dụng, trong đó: 250.641,34 m<sup>3</sup> được cung cấp cho Công ty TNHH Long Sơn vận chuyển trực tiếp về khu vực chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường (không nằm trong phạm vi mỏ); 41.196,48 m<sup>3</sup> được cung cấp cho Nhà máy xi măng Long Sơn vận chuyển trực tiếp về khu vực Trạm đập của nhà máy; 11.647,27 m<sup>3</sup> đá văng được thu hồi trong quá trình khai thác của dự án.

- + Chất thải rắn xây dựng (đá dăm) khoảng 32,7 tấn được tận dụng làm vật liệu san lấp các vị trí trống trong khu vực dự án.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại: Trang bị 02 thùng nhựa có dán nhãn, nắp đậy theo đúng quy định, lưu trữ tạm tại khu vực riêng theo mặt bằng khu lán trại.

- Chất thải lỏng nguy hại: Thực hiện thay dầu, kết hợp bảo dưỡng và kiểm tra xe, toàn bộ lượng dầu thải đối với phương tiện giao thông, thiết bị xây dựng tại các gara lân cận. Chủ đầu tư trang bị thùng chứa có dán nhãn, nắp đậy theo đúng quy định để chứa chất thải lỏng nguy hại và được lưu chứa cùng chất thải rắn nguy hại.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật.

#### 4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Công nhân thi công xây dựng được trang bị thiết bị hạn chế hoặc chống ồn, quần áo lao động.

- Tránh vận hành cùng một thời điểm đối với các phương tiện có mức ồn lớn; thường xuyên bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công; hạn chế vận hành cùng thời điểm những máy móc, thiết bị gần các khu vực nhạy cảm với độ rung.

- Đối với những tuyến đường gần dự án có khả năng hư hỏng cao trong quá trình vận chuyển phải tiến hành sửa chữa ngay khi đường hỏng, không làm ảnh hưởng đến hoạt động đi lại của người dân khu vực dự án.

- Đảm bảo tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 26:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

#### *4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác*

- Thực hiện các công tác về an toàn thi công công trình, đặc biệt là khu vực thi công trên cao. Ban hành nội quy an toàn lao động tại lán trại và yêu cầu công nhân thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn lao động.

- Trên công trường các khu vực thi công nguy hiểm được bảo vệ bằng rào chắn, cấm biển báo đầy đủ. Các khu vực thi công, đường giao thông bố trí đèn chiếu sáng ban đêm.

### **4.2. Giai đoạn khai thác**

#### *4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải*

##### a) Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: Lắp đặt và sử dụng 02 nhà vệ sinh di động (2 buồng, kích thước 1,3 m x 0,95 m x 2,5 m, dung tích hầm chứa chất thải 3 m<sup>3</sup>) thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý với tần suất ít nhất 3 ngày/lần (có thể tăng lên 01 ngày/lần khi dự án thi công cao điểm, tập trung nhiều cán bộ, công nhân trên công trường), không xả ra môi trường.

- Đối với nước mưa chảy tràn được phân thành 02 lưu vực để thu gom trong khu vực mỏ:

+ Lưu vực 1: Tính từ điểm cos đỉnh cao nhất đổ về sườn mỏ phía Bắc, nước mưa được thu gom về hồ lắng 1 có diện tích 23.510 m<sup>2</sup>. Nước mưa chảy tràn khu vực được ngăn qua các khe nứt và hang karst về hồ lắng 1.

+ Lưu vực 2: Tính từ điểm cos đỉnh cao nhất đổ về sườn mỏ phía Nam dự án, nước mưa được thu gom về hồ lắng 2. Dự án bố trí rãnh thu gom nước mưa kích thước 1,0 m x 1,0 m từ vị trí taluy âm (cọc TD3) của tuyến đường vận tải số 1 để thu gom nước mưa về hồ lắng 2 (diện tích 1.708 m<sup>2</sup>, độ sâu 2 m).

Nước sau quá trình lắng tại hồ lắng 2 một phần được tuần hoàn tái sử dụng cho hoạt động phun nước dập bụi, một phần thoát ra môi trường.

##### b) Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước làm ẩm, giảm bụi các tuyến đường vận tải và các khu vực khai thác với tần suất từ 02 lần/ngày đến 04 lần/ngày, tăng tần suất vào mùa khô và khi phát sinh bụi.

- Duy trì dải cây xanh, trồng dặm tại các khu vực đã trồng cây từ giai đoạn thi công, xây dựng.

- Sử dụng phương tiện được đăng kiểm; bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên máy thi công và phương tiện vận tải làm việc trong mỏ.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân làm việc trực tiếp tại mỏ theo quy định hiện hành của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động và an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Đảm bảo tất cả các thiết bị thi công cơ giới đưa vào sử dụng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và môi trường. Trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, các xe phải chở đúng tải trọng quy định trên các tuyến đường và đúng tải trọng của xe; các xe vận chuyển phải được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ để đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; các phương tiện vận chuyển phải được phủ bạt, không làm rơi vãi vật liệu trên đường có thể gây mất an toàn giao thông.

- Trong quá trình nổ mìn, phá đá: Chỉ thực hiện hoạt động nổ mìn khi đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; thông báo lịch nổ cho dân cư trong phạm vi ảnh hưởng; sử dụng lưới thép, bao cát hoặc lưới chắn đá chuyên dụng tại gương nổ để hạn chế tối đa đá văng, ...

- Không tiến hành khai thác, vận chuyển vào những ngày mưa; hạn chế vận chuyển vào giờ đi học, tan học của học sinh; giờ đi làm, giờ tan ca của công nhân.

#### *4.2.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại*

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được phân loại, thu gom vào 02 thùng rác loại 120 lít/thùng đặt tại khu vực công trường thi công; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

- Bùn thải phát sinh từ quá trình nạo vét các hồ lắng, hệ thống rãnh thu gom thoát nước. Công ty thuê đơn vị thu gom hút trực tiếp và vận chuyển đi xử lý, không lưu chứa tại cơ sở.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại (CTNH)

- Bố trí ít nhất 02 thùng chứa có dung tích khoảng 60 lít đặt tại khu vực có mái che bên cạnh nhà vệ sinh di động để thu gom chất thải nguy hại, có diện tích 5 m<sup>2</sup>; khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Số 07/2025/TT-BNNMT ngày 26/6/2025; số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026. Trong kho bố trí các thùng chứa chuyên dụng, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có dán nhãn và gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định.

- Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển, xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật.

#### *4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung*

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị làm việc tại mỏ, trang bị bảo hộ cho người lao động.

- Hạn chế sử dụng tại cùng một thời điểm nhiều máy móc, thiết bị trên công trường thi công để tránh tác động cộng hưởng tiếng ồn, độ rung.

- Quá trình vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ không vận chuyển vào khung giờ cao điểm hoặc buổi tối để tránh gây ồn, ảnh hưởng đến đời sống của Nhân dân.

- Không thực hiện vận chuyển vào các khung giờ từ 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút và từ 19 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau.

- Bố trí lao động thích hợp, hạn chế tập trung đông công nhân gây phát sinh tiếng ồn cao.

- Đảm bảo tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình xây dựng phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

#### 4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước; bố trí nhân sự, phương tiện để xử lý kịp thời khi xảy ra ngập úng.

- Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng cứu sự cố môi trường, an toàn lao động trong quá trình hoạt động của dự án (đặc biệt là sự cố sạt lở bờ mỏ, sự cố cháy nổ, sét).

- Khi phát hiện bề mặt bờ moong khai thác có dấu hiệu nứt nẻ (có thể do xói mòn), tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến sạt lở bờ thì bộ phận khai thác sẽ điều động công nhân và máy móc, thiết bị đang hoạt động tại khu vực đến nơi an toàn, sau đó tổ chức công tác khắc phục sự cố tại các vị trí có nguy cơ sạt lở này.

- Trường hợp xảy ra sự cố sạt lở bờ moong thì tổ khai thác phải dọn dẹp gọn gàng khu vực sạt lở, cạy hết các khối đất, đá nứt nẻ còn sót lại trên bề mặt moong, cạy gỡ các khối đá treo trên vách bờ moong để tránh nguy cơ đất đá rơi xuống gây nguy hiểm cho người và thiết bị.

- Chủ dự án giám sát việc thực hiện các biện pháp kỹ thuật an toàn trong suốt quá trình khai thác mỏ, nhằm giảm thiểu các nguy cơ gây sự cố nguy hiểm bất ngờ; thường xuyên quan sát vách moong để phát hiện các vết nứt, khe nứt lớn để có biện pháp phòng tránh nguy cơ sạt lở bờ moong.

- Khi có sự cố xảy ra, lập tức dừng ngay mọi hoạt động khai thác, báo động sự cố cho toàn mỏ; tập trung toàn bộ lao động và thiết bị để ứng cứu sự cố; di dời máy móc, thiết bị và công nhân đến vùng an toàn, tìm hiểu nguyên nhân gây ra sạt lở, tiến hành gia cố lại bờ moong bị sạt lở.

- Chấp hành, giám sát việc nổ mìn theo đúng quy định: Hộ chiếu nổ mìn được lập chính xác và chi tiết cho mỗi lần nổ; hộ chiếu phải được chỉ rõ lưới lỗ

khoan, các loại lỗ khoan, hướng lỗ khoan, khối lượng thuốc nổ, thứ tự nổ, khối lượng đá dự kiến, thời gian thi công dự kiến, ...

- Chủ dự án và đơn vị được thuê sử dụng vật liệu nổ phải trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phục vụ cho khởi động nổ, hiệu lệnh nổ, kết thúc nổ mìn như: Loa, còi, cờ lệnh, ..., không sử dụng thuốc nổ đã quá hạn sử dụng.

- Trường hợp khẩn cấp, Chủ dự án phải báo cáo với chính quyền địa phương để được hỗ trợ thực hiện đảm bảo an toàn cho người và tài sản.

### ***4.3. Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường***

#### ***4.3.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải***

##### ***a) Đối với thu gom và xử lý nước thải***

- Đối với nước thải sinh hoạt: Lắp đặt và sử dụng 01 nhà vệ sinh di động 02 buồng (tổng thể tích ngăn chứa chất thải khoảng 3 m<sup>3</sup>/nhà) thu gom toàn bộ nước thải phát sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý với tần suất tối thiểu 03 ngày/lần (có thể tăng lên 01 ngày/lần khi dự án thi công cao điểm, tập trung nhiều cán bộ, công nhân trên công trường), không xả ra môi trường.

- Nước thải sinh hoạt được xử lý trong 01 nhà vệ sinh di động

##### ***b) Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải***

- Máy móc, thiết bị sử dụng được đăng kiểm, thực hiện bảo dưỡng định kỳ đảm bảo đủ điều kiện lưu hành theo quy định.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân làm việc trực tiếp tại mỏ theo quy định.

#### ***4.3.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại***

##### ***a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường***

- Chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 01 thùng chứa có dung tích 60 lít/thùng có nắp đậy kín, tập kết chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực thích hợp để đơn vị có chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phân loại và tận dụng để san lấp, lu lèn mặt bằng phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường của mỏ.

##### ***b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại:*** Chủ dự án không thực hiện sửa chữa máy móc, thiết bị tại dự án, tiến hành ký hợp đồng sửa chữa với các đơn vị sửa chữa chuyên nghiệp trên địa bàn.

#### ***4.3.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung***

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị làm việc tại mỏ, trang bị bảo hộ cho người lao động.

- Hạn chế sử dụng nhiều máy móc, thiết bị trên công trường thi công tại cùng một thời điểm để tránh tác động cộng hưởng tiếng ồn, độ rung.

- Đảm bảo tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình xây dựng phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

#### **4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác**

##### **4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường**

- Khu vực khai thác:

+ Cạy gỡ đá om, đá treo tại moong khai thác và khu vực tiếp giáp mỏ bằng phương pháp thủ công về trạng thái an toàn.

+ San gạt moong khai thác, trồng cỏ gừng.

+ Lắp đặt biển cảnh báo nguy hiểm.

+ Di dời máy móc, thiết bị.

+ Đào mương thoát nước.

- Khu vực xung quanh:

+ Cải tạo tuyến đường ngoại mỏ.

+ Nạo vét hệ thống thoát nước ngoại mỏ.

Tổng hợp khối lượng công tác cải tạo, phục hồi môi trường như sau:

| STT      | Mã hiệu                   | Nội dung công việc                                                                          | Đơn vị            | Khối lượng |
|----------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|
| <b>A</b> | <b>Khu vực khai thác</b>  |                                                                                             |                   |            |
| 1        | AB.12111                  | Cạy gỡ đá treo bằng thủ công                                                                | m <sup>3</sup>    | 945        |
| 2        | AD.31111                  | Thi công cọc tiêu bê tông cốt thép (cọc biển báo)                                           | cái               | 34         |
| 3        | AD.32231 (Mbb)            | Lắp đặt cột và biển báo bê tông cốt thép, loại tam giác có kích thước 0,7 m x 0,7 m x 0,7 m | cái               | 34         |
| 4        | AB.27121                  | Đào mương thoát nước bằng máy đào 1,25 m <sup>3</sup>                                       | 100m <sup>3</sup> | 8,155      |
| 5        | AB.34110                  | San gạt mặt bằng                                                                            | 100m <sup>3</sup> | 507,699    |
| 6        | QĐ 10/2018                | Mua đất màu                                                                                 | m <sup>3</sup>    | 49.954,08  |
| 7        | Thực tế                   | Trồng cỏ gừng                                                                               | ha                | 16,92      |
| 8        | Thực tế                   | Di dời máy móc, thiết bị                                                                    | chuyến            | 01         |
| <b>B</b> | <b>Khu vực xung quanh</b> |                                                                                             |                   |            |
| 1        | AD.21211                  | Gia cố tuyến đường ngoại mỏ                                                                 | 100m <sup>3</sup> | 2,144      |
| 2        | AB.28211                  | Nạo vét mương thoát nước                                                                    | 100m <sup>3</sup> | 0,4288     |

##### **4.4.2. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường**

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường sau khi khai thác mỏ là: **5.745.152.377 đồng**.

- Số lần ký quỹ: 10 lần, trong đó:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu (20%): **1.149.030.478 đồng**; thời gian thực hiện việc ký quỹ lần đầu không quá 30 ngày kể từ ngày được phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

+ 09 (chín) lần tiếp theo, số tiền mỗi lần: **510.680.211 đồng**; việc ký quỹ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2026. Yếu tố trượt giá được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê cho địa phương nơi khai thác khoáng sản hoặc cơ quan có thẩm quyền.

- Đơn vị nhận ký quỹ:

+ Tên đơn vị: Ban Quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng, môi trường và Phòng, chống thiên tai Thanh Hóa.

+ Địa chỉ: Số 14 đường Hạc Thành, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

+ Số tài khoản 5010410752 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa hoặc số tài khoản 3501201041042 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hạc Thành Thanh Hóa.

#### *4.4.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường*

- Chủ dự án giám sát việc thực hiện các biện pháp kỹ thuật an toàn trong suốt quá trình thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

- Khi có sự cố xảy ra, lập tức dừng ngay mọi hoạt động, tập trung toàn bộ lao động và thiết bị để ứng cứu sự cố; báo cáo chính quyền địa phương kịp thời.

### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư**

Theo quy định tại Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ; dự án nêu trên không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, bụi và khí thải.

### **6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

Công ty TNHH Công nghiệp Long Sơn có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

**6.1.** Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác khoáng

sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Vinh, huyện Hà Trung (nay là phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa) (diện tích mỏ 21,6 ha).

**6.2.** Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án cho phù hợp với nội dung yêu cầu về môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường.

**6.3.** Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án, trước khi vận hành, trường hợp có nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại khoản 4, Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Điều 9 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

**6.4.** Chỉ được khai thác khoáng sản sau khi được UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định hiện hành của pháp luật; đảm bảo an toàn tuyệt đối về môi trường trong quá trình hoạt động khai thác khoáng sản.

**6.5.** Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng, công suất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định hiện hành của pháp luật về khoáng sản; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành và QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

**6.6.** Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án; thực hiện các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường của dự án, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định có liên quan về bảo vệ môi trường.

**6.7.** Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

**6.8.** Thực hiện nghiêm túc các trách nhiệm về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong suốt giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn khai thác dự án theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật và bồi thường thiệt hại về môi trường (nếu có) theo quy định hiện hành của pháp luật.

**6.9.** Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi dự án đi vào hoạt động theo quy định hiện hành của pháp luật.

**6.10.** Chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ chính xác, tin cậy của toàn bộ dữ liệu, số liệu tính toán, đo đạc, các mốc tọa độ của dự án; chịu trách nhiệm về những thông tin, số liệu và kết quả tính toán đã nêu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án./.